

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI**

Số: 3492/QLĐĐ-TKKTĐĐ
V/v tài liệu bổ sung hướng dẫn việc xây dựng,
duy trì và hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai theo
Kế hoạch số 2959/KH-BNNMT-BCA

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày¹⁷ tháng 7 năm 2026

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố

Thực hiện Kế hoạch số 2959/KH-BNNMT-BCA ngày 29/3/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Bộ Công an tăng cường đẩy mạnh công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và hoàn thành cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, Cục Quản lý đất đai đã ban hành Công văn số 1435/QLĐĐ-TKKTĐĐ ngày 22/4/2026 về việc hướng dẫn kỹ thuật xây dựng, duy trì và hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai và Công văn số 2622/QLĐĐ-TKKTĐĐ ngày 08/6/2026 về việc tài liệu hướng dẫn bổ sung Công văn số 1435/QLĐĐ-TKKTĐĐ ngày 22/4/2026 hướng dẫn kỹ thuật xây dựng, duy trì và hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai. Trên cơ sở tổng hợp các ý kiến của địa phương, nội dung trao đổi với Trung tâm Dữ liệu quốc gia (Bộ Công an), Cục Chuyển đổi số (Bộ Nông nghiệp và Môi trường) và các đơn vị cung cấp phần mềm về xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai, Cục Quản lý đất đai hướng dẫn điều chỉnh, bổ sung nội dung về đồng bộ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu đất đai của địa phương về trung ương như sau:

1. Điều chỉnh các trường thông tin bắt buộc tại Phụ lục 01 về Danh mục các trường thông tin của dữ liệu thửa đất Nhóm 1 đã cấp Giấy chứng nhận, đã đăng ký đất đai tại Công văn số 2622/QLĐĐ-TKKTĐĐ:

a) Các trường thông tin điều chỉnh từ “bắt buộc” thành “không bắt buộc” gồm:

- Trường “nguồnGocCapGiayLanDau” tại bảng “c) Dữ liệu về nguồn gốc sử dụng” của mục “1.1.1.Nhóm dữ liệu về thửa đất”;

- Trường “dientichXaydung” tại bảng “a) Dữ liệu về nhà ở riêng lẻ” của mục “3.1.3.Nhóm dữ liệu về tài sản gắn liền với đất”;

- Trường “soVaoso” tại bảng “k) Dữ liệu về giấy chứng nhận” của mục “3.1.4.Nhóm dữ liệu về quyền quản lý, quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất”;

- Trường “capHang” tại bảng “g) Dữ liệu về công trình xây dựng” của mục “3.1.3. Nhóm dữ liệu về tài sản gắn liền với đất”;

- Trường “loaiCheDoMienGiamID” tại bảng “g) Dữ liệu về miễn giảm nghĩa vụ tài chính” và trường “loaiCheDoMienGiamID” tại bảng “h) Dữ liệu

về nợ nghĩa vụ tài chính” của mục “3.1.4. Nhóm dữ liệu về quyền quản lý, quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất”.

b) Trường hợp cấp Giấy chứng nhận hoặc trên đơn đăng ký về đất đai là vợ và chồng, khi thực hiện đối khớp với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, chỉ đối khớp, làm sạch được dữ liệu của vợ hoặc chồng, người còn lại chưa xác minh được thì trường “maDinhDanhCaNhan” tại bảng “h) Dữ liệu về giấy tờ tùy thân” của mục “3.1.4.Nhóm dữ liệu về người quản lý, sử dụng đất và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất” của người chưa xác minh là trường không bắt buộc.

2. Đối với trường hợp đã đăng ký đất đai nhưng không hoặc chưa được cấp Giấy chứng nhận, thì điều chỉnh như sau: điều chỉnh từ “bắt buộc” thành “không bắt buộc” đối với các bảng “a) Dữ liệu về quyền sử dụng đất”; bảng “k) Dữ liệu về giấy chứng nhận” của mục “3.1.4.Nhóm dữ liệu về quyền quản lý, quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất”.

3. Đối với đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý theo quy định tại Điều 217 của Luật Đất đai, thì điều chỉnh như sau:

a) Từ “bắt buộc” thành “không bắt buộc” đối với các bảng dữ liệu sau:

- Bảng “a) Dữ liệu về cá nhân”; bảng “g) Dữ liệu về địa chỉ”; bảng “h) Dữ liệu về giấy tờ tùy thân” của mục “3.1.2.Nhóm dữ liệu về người quản lý, sử dụng đất và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất”;

- Bảng “a) Dữ liệu về quyền sử dụng đất”; bảng “d) Dữ liệu về đăng ký chung/riêng đất”; bảng “k) Dữ liệu về giấy chứng nhận” của mục “3.1.4.Nhóm dữ liệu về quyền quản lý, quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất”.

b) Từ “không bắt buộc” thành “bắt buộc” đối với các bảng dữ liệu sau:

- Bảng “d) Dữ liệu về tổ chức” của mục “3.1.2.Nhóm dữ liệu về người quản lý, sử dụng đất và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất”;

- Bảng “b) Dữ liệu về quyền quản lý đất” của mục “3.1.4.Nhóm dữ liệu về quyền quản lý, quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất”.

(kèm theo Phụ lục Danh mục các trường thông tin của dữ liệu thửa đất Nhóm 1 đã cấp Giấy chứng nhận, đã đăng ký đất đai khi đồng bộ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu đất đai của địa phương về trung ương (Phiên bản 2.0))

4. Việc xác định Mã định danh điện tử của cơ quan, tổ chức được thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử.

Để đảm bảo tiến độ thực hiện và hỗ trợ công tác triển khai Kế hoạch số 2959/KH-BNNMT-BCA tại địa phương, Cục Quản lý đất đai đề nghị Sở Nông

nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố nghiên cứu, phối hợp chặt chẽ với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai các nội dung bổ sung, chỉnh sửa tại Công văn này.

Trong quá trình triển khai nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Cục Quản lý đất đai để hướng dẫn thực hiện./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Nguyễn Thị Phương Hoa (để báo cáo);
- Cục trưởng Đào Trung Chính (để báo cáo);
- Các Phó Cục trưởng (để phối hợp);
- Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an (để phối hợp);
- Trung tâm Dữ liệu quốc gia, Bộ Công an (để phối hợp);
- Vụ KHCN;
- Cục CDS (để phối hợp);
- Tập đoàn VNPT;
- Công ty CP Tin học Bản đồ Việt Nam;
- Lưu VT, TKKKTTĐĐ (Tpv).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Mai Văn Phần

PHỤ LỤC 01					
DANH MỤC CÁC TRƯỜNG THÔNG TIN CỦA DỮ LIỆU THỬA ĐẤT NHÓM 1 ĐÃ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN, ĐÃ ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI KHI ĐỒNG BỘ DỮ LIỆU TỪ CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI CỦA ĐỊA PHƯƠNG VỀ TRUNG ƯƠNG (PHIÊN BẢN 2.0)					
(Kèm theo Công văn số / QLDD-TKKTĐTĐĐ ngày tháng năm 2026 của Cục Quản lý đất đai)					
(Chú thích: Các Bảng dữ liệu có dấu (*) là bắt buộc phải có; Các Bảng dữ liệu còn lại khi có thông tin sẽ là bắt buộc)					
1. Dữ liệu thuộc tính đất đai					
1.1. Dữ liệu thuộc tính địa chính					
1.1.1. Nhóm dữ liệu về thửa đất					
a) Dữ liệu về thửa đất (*)					
Trường thông tin					Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc có giá trị	
Mã đối tượng	thuaDatID	String		x	ID duy nhất của bảng dữ liệu thửa đất trong CSDL. Trong TH thửa đất có nhiều phiên bản nhưng CSDL địa phương sử dụng chung ID thì ĐP gen ID theo quy tắc: [ID thửa đất trùng]_version Vd: 123456_1; 123456_2
Phân loại dữ liệu	phanLoaiDuLieu	Interger	1	x	Là trường phân loại dữ liệu đất đai 1: Nhóm 1 - Dữ liệu đảm bảo “đúng - đủ - sạch - sống” 2: Nhóm 2 - Dữ liệu chưa “đúng - đủ - sạch - sống” 4: Thửa đất định vị đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất 5: Thửa đất định vị chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất 6: Dữ liệu chưa sạch nhưng đã xác thực dữ liệu Chủ
Mã thửa đất	maThuaDat	String	10	x	12 ký tự được mã hóa theo vị trí địa lý trong hệ tọa độ quốc tế WGS84 của thửa đất. Mã định danh thửa đất được mã hóa theo tọa độ địa lý (vĩ độ và kinh độ)
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHXCXa	String	5	x	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Số hiệu tờ bản đồ	soHieuToBanDo	Integer	4	x	Là số hiệu bản đồ
Số hiệu tờ bản đồ cũ	soHieuToBanDoCu	String	50		Là số hiệu bản đồ cũ (dưới dạng văn bản)
Số thửa đất	soThuTuThua	Integer	5	x	Là số thứ tự thửa đất
Số thửa đất cũ	soThuTuThuaCu	String	50		Là số thứ tự thửa đất cũ (dưới dạng văn bản)
Diện tích	dienTich	Real		x	Là diện tích không gian của thửa đất, đơn vị tính là m ²
Diện tích pháp lý	dienTichPhapLy	Real			Là diện tích đã được cấp Giấy chứng nhận; trường hợp chưa cấp Giấy chứng nhận mà có giấy tờ pháp lý về nguồn gốc thì ghi diện tích theo giấy tờ đó; trường hợp không có các giấy tờ trên thì không nhập mục này. Đơn vị tính là m ²

Trường thông tin					Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc có giá trị	
Ghi chú diện tích	ghiChuDienTich	String	255		thể hiện ghi chú diện tích thửa đất nằm trên nhiều ĐVHC
Tài liệu đo đạc	maTaiLieuDoDac	Integer			Là mã tài liệu trong bảng danh mục DM_LoaiTaiLieuDoDacDiaChinh
Là đối tượng chiếm đất	laDoiTuongChiemDat	Boolean		x	0: Là thửa đất 1: Là đối tượng địa lý hình tuyến
Địa chỉ	diaChiID			x	ID địa chỉ thửa đất liên kết đến thẻ Địa chỉ
Trạng thái đăng ký	trangThaiDangKy	Integer	1		Là mã trạng thái đăng ký tình trạng pháp lý quyền của thửa đất trong bảng danh mục DM_LoaiTrangThaiDangKyCapGCN
Loại thửa đất	loaiThuaDat	Integer	1		Là mã loại thửa đất quy định tại Thông tư 25/2024/TT-BNNMT về quy trình xây dựng CSDL đất đai trong bảng danh mục DM_LoaiThuaDat
Phiên bản	phienBan	Interger		x	Là số nguyên thể hiện thông tin phiên bản của thửa đất (mỗi lần biến động của thửa đất có 1 số).
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean		x	Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin 0: false; 1: true
b) Dữ liệu về loại đất của thửa đất (*)					
Mã đối tượng	mucDichSuDungDatID	String		x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã thửa đất	thuaDatID	String	10	x	Khóa ngoại liên kết tới dữ liệu thửa đất
Số thứ tự loại đất	soThuTuLoaiDat	Integer	1		Là số thứ tự của loại đất theo thửa
Mã loại đất	maLoaiDat	String	3	x	Là mã loại đất được xác định trong bảng danh mục loại đất
Mã mục đích sử dụng theo quy hoạch	maMDSDQH	String	3		Là mã mục đích sử dụng theo quy hoạch được xác định trong bảng mã
Diện tích	dienTich	Real		x	Là diện tích của loại đất, đơn vị tính là m ²
Thời hạn sử dụng	thoiHanSuDung	String	50	x	Là thông tin về thời hạn sử dụng thực tế. Trường hợp không có thì gán giá trị "chưa xác định" theo quy định tại Thông tư 10/2024/TT-BTNMT
Ngày hạn sử dụng	ngayHanSuDung	Date	20		Là ngày hạn sử dụng xác định đến ngày, tháng, năm hạn sử dụng đất
Phiên bản thửa đất	phienBanThuaDat	Interger			Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của thửa đất
c) Dữ liệu về nguồn gốc sử dụng					
Mã đối tượng	nguồnGocID	String		x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Nguồn gốc sử dụng đất đăng ký	nguồnGocDangKy	String	255		Là nguồn gốc sử dụng đất trong trường hợp đăng ký sử dụng đất nhưng chưa hoặc không cấp Giấy chứng nhận ví dụ: “Sử dụng đất từ năm 1984, do tự khai phá (hoặc do Ông cha để lại, do nhận chuyển nhượng, được Nhà nước giao không thu tiền ...)”;
Nguồn gốc sử dụng đất cấp giấy lần đầu	nguồnGocCapGiayLanDau	String	20		Là mã nguồn gốc sử dụng đất được xác định khi cấp Giấy chứng nhận lần đầu, xác định nguồn gốc trong bảng danh mục nguồn gốc sử dụng

Trường thông tin					Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc có giá trị	
Nguồn gốc sử dụng đất biển động	nguồnGocBienDong	String	255		Là nguồn gốc sử dụng đất thể hiện hình thức nhận chuyển quyền (nếu có), xác định nguồn gốc trong bảng danh mục nguồn gốc sử dụng
Diện tích	dienTich	Real		x	Là diện tích nguồn gốc
d) Dữ liệu về bảng tài liệu đo đạc					Khi có đối tượng xuất hiện
Tài liệu đo đạc	taiLieuDoDacID	String		x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCCxa	String	5	x	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam
Loại bản đồ địa chính	loaiBanDoDiaChinh	Integer	1	x	Là loại bản đồ địa chính nằm trong bảng danh mục
Loại hình đo đạc	hinhThucDoDac	Integer	1		Là loại hình đo đạc nằm trong bảng danh mục (đo mới, đo bổ sung, đo chỉnh lý, trích đo địa chính...)
Đơn vị đo đạc	donViDoDac	String	100		Là tên đơn vị đo đạc
Phương pháp đo	phuongPhapDo	String	100		Là phương pháp đo đạc
Mức độ chính xác	mucDoChinhXac	String	30		Là mức độ chính xác
Tỷ lệ đo đạc	tyLeDoDac	String	20		Là các tỷ lệ: 1/200, 1/500, 1/1000, 1/2000, 1/5000, 1/10000
Ngày hoàn thành	ngayHoanThanh	Date	10		Là ngày hoàn thành đo đạc
Phiên bản thửa đất	phienBanThuaDat	Integer			Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của thửa đất
3.1.2. Nhóm dữ liệu về người quản lý, sử dụng đất và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất					
a) Dữ liệu về cá nhân (*)					Không bắt buộc đối với trường hợp đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý theo quy định tại Điều 217 của Luật Đất đai
Mã đối tượng	caNhanID	String		x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
mã loại đối tượng sử dụng quản lý	maDoiTuongSuDungQuanLy	String	3	x	Là mã loại đối tượng sử dụng quản lý nằm trong bảng danh mục DM_LoaiDoiTuongQuanLy
Họ và tên	hoTen	String	150	x	Là họ và tên của người ghi trong giấy tờ nhân thân.
Ngày tháng năm sinh	ngaySinh	Date	10		Là ngày, tháng, năm sinh (nếu có) Định dạng: yyyy-MM-dd
Năm sinh	namSinh	Integer	4		Năm sinh
Giới tính	gioiTinh	Integer	1		Thể hiện giới tính của cá nhân (0 là nữ, 1 là nam và 2 là giới tính khác)
Mã số thuế	maSoThue	String	20		Là mã số thuế để kết nối sang cơ sở dữ liệu của ngành thuế
Quốc tịch	Chi tiết tại nhóm thông tin về quốc tịch				Liên kết sang dữ liệu quốc tịch của đối tượng là cá nhân
Dân tộc	Chi tiết tại nhóm thông tin về dân tộc				Liên kết sang dữ liệu dân tộc của đối tượng là cá nhân
Địa chỉ	diaChiID	String	150		Là thông tin về địa chỉ của đối tượng là cá nhân
Phiên bản	phienBan	Integer		x	Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của cá nhân

Trường thông tin					Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc có giá trị	
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean		x	Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin
b) Dữ liệu về hộ gia đình					
Mã đối tượng	hoGiaDinhID	String		x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Chủ hộ	chuHoID	String		x	Là người có vai trò là chủ hộ. Một hộ gia đình có duy nhất một người là chủ hộ
Vợ hoặc chồng	voChongID	String			Là người có vai trò là vợ hoặc chồng đối với chủ hộ
Thành viên	Chi tiết tại nhóm thông tin về cá nhân				Là các thành viên của hộ gia đình.
Địa chỉ	diaChiID	String	150	x	Là thông tin về địa chỉ của hộ gia đình
Phiên bản	phienBan	Integer		x	Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của hộ gia đình
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean		x	Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin
c) Dữ liệu về vợ chồng					
Mã đối tượng	voChongID	String		x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Vợ	voID	String		x	Là người có vai trò là vợ.
Chồng	chongID	String		x	Là người có vai trò là chồng.
Đại diện vợ chồng	daiDienVoChong	Integer	1		Là thông tin chọn ai là người đại diện để hiển thị lên giấy chứng nhận trong trường hợp vợ/chồng thỏa thuận chỉ đứng tên 1 người
					0: Chồng
					1: Vợ
					null: Không có người đại diện
Phiên bản	phienBan	Integer		x	Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của vợ chồng
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean		x	Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin
d) Dữ liệu về tổ chức					
Mã đối tượng	toChucID	String		x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đối tượng sử dụng quản lý	maDoiTuongSuDungQuanLy	String	3	x	Là mã loại đối tượng sử dụng quản lý nằm trong bảng danh mục DM_LoaiDoiTuongQuanLy
Tên tổ chức	tenToChuc	String	120	x	Là tên của tổ chức
Tên viết tắt	tenVietTat	String	30		Là tên viết tắt của tổ chức
Tên tổ chức bằng tiếng Anh	tenToChucTA	String	120		Là tên của tổ chức bằng tiếng Anh (nếu có)
Người đại diện	nguoiDaiDienID	String			Là người đại diện theo pháp luật

Trường thông tin					Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc có giá trị	
Số quyết định	soQuyetDinh	String	30		Là số quyết định thành lập hoặc số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
Ngày quyết định	ngayQuyetDinh	Date			Là ngày ra quyết định thành lập hoặc ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức.
Loại quyết định thành lập	loaiQuyetDinhThanhLap	String	30		Là thông tin phân loại quyết định thành lập tổ chức.
Mã số doanh nghiệp	maDoanhNghiep	String	30		Là mã số doanh nghiệp
Mã số thuế	maSoThue	String	20		Là mã số thuế để kết nối sang cơ sở dữ liệu của ngành thuế
Địa chỉ	diaChiID	String	150	x	Là thông tin về địa chỉ của tổ chức
Phiên bản	phienBan	Integer		x	Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của tổ chức
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean		x	Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin
đ) Dữ liệu về cộng đồng dân cư					
Mã đối tượng	congDongID	String		x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đối tượng sử dụng quản lý	maDoiTuongSuDungQuanLy	String	3	x	Là mã loại đối tượng sử dụng quản lý nằm trong bảng danh mục DM_LoaiDoiTuongQuanLy
Tên cộng đồng	tenCongDong	String	120	x	Là tên của cộng đồng dân cư
Người đại diện	nguoiDaiDienID	String			Là người đại diện theo pháp luật
Địa danh cư trú	diaChiID	String	150	x	Là địa danh cư trú của cộng đồng dân cư
Phiên bản	phienBan	Integer		x	Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của cộng đồng dân cư
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean		x	Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin
e) Dữ liệu về nhóm người đồng sử dụng					
Mã đối tượng	nhomNguoiID	String		x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Người đại diện	nguoiDaiDienID	String		x	ID của người đại diện nhóm đồng sử dụng theo loại đối tượng, vd: Cá nhân, Tổ Chức, CDDC... trong bảng danh mục DM_LoaiDoiTuong
Mã loại đối tượng của người đại diện	maLoaiDoiTuong	String	5	x	mã loại đối tượng của người đại diện nhóm đồng sử dụng trong bảng danh mục DM_LoaiDoiTuong
Thành viên	Chi tiết tại nhóm thông tin về cá nhân, hộ gia đình, vợ chồng, tổ chức				Là các thành viên còn lại của nhóm
Phiên bản	phienBan	Integer		x	Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của nhóm người đồng sử dụng
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean		x	Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin
g) Dữ liệu về địa chỉ (*)					
					Không bắt buộc đối với trường hợp đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý theo quy định tại Điều 217 của Luật Đất đai

Trường thông tin					Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc có giá trị	
Mã đối tượng	diaChiID	String		x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính	maXa	String	5	x	Là mã đơn vị hành chính cấp xã
Địa chỉ chi tiết	diaChiChiTiet	String	50		Là địa chỉ chi tiết gồm: số nhà (nếu có); trường hợp địa chỉ là căn hộ chung cư hoặc tập thể thì xác định số nhà là số hiệu căn hộ/số hiệu toà nhà; tên ngõ phố, ngách, hẻm... (nếu có); xử đồng đối với thửa đất có loại đất là đất nông nghiệp, tiểu khu đối với thửa đất có loại đất là đất rừng
Đường phố	tenDuongPho	String	50		Là tên đường, tên phố (nếu có)
Tổ dân phố	tenToDanPho	String	30		Là tên tổ dân phố (nếu có); đối với nông thôn là tên: thôn, xóm, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc
Tên đơn vị hành chính cấp xã	tenDVHCXa	String	30		Là tên xã hoặc phường hoặc thị trấn
Tên đơn vị hành chính cấp huyện	tenDVHCHuyen	String	30		Là tên quận hoặc huyện hoặc thị xã hoặc thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc thành phố
Tên đơn vị hành chính cấp tỉnh	tenDVHCTinh	String	30		Là tên tỉnh hoặc tên thành phố trực thuộc Trung ương.
Mã địa chỉ số	maDiaChiSo	String			Là mã địa chỉ số của thửa đất hoặc tài sản theo quy định xác định mã địa chỉ số quốc gia.
Phiên bản	phienBanDoiTuong	Integer		x	Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của đối tượng Mặc định là 1 theo hướng dẫn chuyển đổi của Cục
h) Dữ liệu về giấy tờ tùy thân (*)					Không bắt buộc đối với trường hợp đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý theo quy định tại Điều 217 của Luật Đất đai
Mã đối tượng	giayToTuyThanID	String		x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã loại giấy tờ tùy thân	loaiGiayToTuyThan	Integer	1	x	Là loại giấy tờ tùy thân nằm trong bảng danh mục DM_LoaiGiayToTuyThan
Tên loại giấy tờ tùy thân	tenLoaiGiayToTuyThan	String	255		là giá trị của giấy tờ tùy thân trong bảng danh mục DM_LoaiGiayToTuyThan
Số giấy tờ	soGiayTo	String	30	x	Là số giấy tờ tùy thân
Ngày cấp	ngayCap	Date			Là ngày cấp giấy tờ tùy thân Định dạng: yyyy-MM-dd
Nơi cấp	noiCap	String	100		Là nơi cấp giấy tờ tùy thân
Mã định danh cá nhân	maDinhDanhCaNhan	String		x	- Trường hợp trên GCN hoặc đơn đăng ký là vợ chồng mà một trong hai người đã được đối khớp làm sạch với CSDL quốc gia về dân cư và người còn lại tại thời điểm làm sạch dữ liệu chưa xác minh được thì không bắt buộc. - Trường hợp đã xác thực diện tử với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì tự động lấy mã từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.
Hình thức xác thực	hinhThucXacThuc	Integer			1: là trạng thái xác thực qua giấy tờ tùy thân
					2: là trạng thái đã xác thực qua VNID
					3: là hình thức xác thực khác

Trường thông tin					Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc có giá trị	
Xác định giấy tờ pháp lý đã cấp theo GCN	laGiayToPhapLyTheoGCN	Boolean	1		- Xác định loại giấy tờ pháp lý đã cấp theo GCN, phục vụ chiến dịch làm giàu, làm sạch cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai theo CV 2571/QLĐĐ-TKKTĐĐ - Mỗi version của 1 chủ chỉ có 1 loại giấy tờ là giấy tờ pháp lý cấp theo GCN. Trường hợp chủ chỉ có 1 loại giấy tờ thì mặc định set = TRUE
Phiên bản	phienBanCaNhan	Integer		x	Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của cá nhân
i) Dữ liệu về giấy tờ tổ chức					
Mã đối tượng	giayToToChucId	String		x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã loại giấy tờ tổ chức	loaiGiayToToChuc	Integer	1	x	Là loại giấy tờ tùy thân nằm trong bảng mã DM_LoaiGiayToTuyThan
Số giấy tờ	soGiayTo	String	30	x	Là số giấy tờ tùy thân
Ngày cấp	ngayCap	Date	10		Là ngày cấp giấy tờ tùy thân
Nơi cấp	noiCap	String	100		Là nơi cấp giấy tờ tùy thân
Mã định danh doanh nghiệp	maDinhDanhDoanhNghiep	String			Trường hợp đã xác thực điện tử với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì bắt buộc nhập.
Hình thức xác thực	hinhThucXacThuc	Integer			1: là trạng thái xác thực qua giấy tờ tùy thân 2: là trạng thái đã xác thực qua VNID 3: là hình thức xác thực khác
Xác định giấy tờ pháp lý đã cấp theo GCN	laGiayToPhapLyTheoGCN	Boolean	1		- Xác định loại giấy tờ pháp lý đã cấp theo GCN, phục vụ chiến dịch làm giàu, làm sạch cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai theo CV 2571/QLĐĐ-TKKTĐĐ - Mỗi version của 1 chủ chỉ có 1 loại giấy tờ là giấy tờ pháp lý cấp theo GCN. Trường hợp chủ chỉ có 1 loại giấy tờ thì mặc định set = TRUE
Phiên bản	phienBanToChuc	Integer		x	Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của tổ chức
k) Dữ liệu về quốc tịch					
Mã đối tượng	quocTichID	String		x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã quốc gia	maQuocTich	String	3	x	Là mã quốc gia theo tiêu chuẩn ISO 3166-1
Tên quốc gia theo phiên âm Việt Nam	tenQuocTich	String	255		Là tên quốc gia theo phiên âm Việt Nam
l) Dữ liệu về dân tộc					
Mã đối tượng	danTocID	String		x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã dân tộc	maDanToc	Integer	2	x	
Tên dân tộc	tenDanToc	String	255		Là tên dân tộc
3.1.3. Nhóm dữ liệu về tài sản gắn liền với đất					
a) Dữ liệu về nhà ở riêng lẻ					

Trường thông tin					Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc có giá trị	
Mã đối tượng	nhaRiengLeID	String		x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Phân loại dữ liệu	phanLoaiDuLieu	Integer	1		Là trường phân loại dữ liệu đất đai
					1: Nhóm 1 - Dữ liệu đảm bảo “đúng - đủ - sạch - sống” theo hướng dẫn CV 2571
					2: Nhóm 2 - Dữ liệu chưa “đúng - đủ - sạch - sống” theo hướng dẫn CV 2571
					6: Dữ liệu chưa sạch nhưng đã xác thực dữ liệu Chủ
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCTXa	String	5	x	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Diện tích xây dựng	dienTichXayDung	Real			Là diện tích mặt bằng chiếm đất của nhà ở tại vị trí tiếp xúc với mặt đất theo mép ngoài tường bao của nhà. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn số đến một chữ số thập phân;
Diện tích sàn	dienTichSan	Real			Đối với nhà ở một tầng thì thể hiện diện tích mặt bằng sàn xây dựng của nhà đó. Đối với nhà ở nhiều tầng thì thể hiện tổng diện tích mặt bằng sàn xây dựng của các tầng. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn số đến một chữ số thập phân.
Số tầng	soTang	String			Thể hiện tổng số tầng nhà
Số tầng hầm	soTangHam	String			Thể hiện tổng số tầng hầm (nếu có)
Chiều cao	chieuCao	Real			Là chiều cao thông thủy (nếu có)
Chiều cao tầng hầm	chieuCaoHam	Real			Là chiều cao thông thủy tầng hầm (nếu có)
Năm hoàn công	namHoanCong	Integer			Năm hoàn công ghi trên giấy tờ (nếu có)
Kết cấu nhà ở	ketCau	String	150		Là thông tin kết cấu của nhà, thể hiện loại vật liệu xây dựng (gạch, bê tông, gỗ...), các kết cấu chủ yếu là tường, khung, sàn, mái. Ví dụ: “Tường, khung, sàn bằng bê tông cốt thép; mái ngói”
Cấp hạng	capHang	String	50		Xác định và thể hiện theo quy định phân cấp nhà ở của pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng
Địa chỉ	diaChiID	String		x	Là địa chỉ của nhà ở riêng lẻ
Phiên bản	phienBan	Integer			Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của nhà riêng lẻ
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean			Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin
b) Dữ liệu về hạng mục nhà riêng lẻ					
Mã đối tượng	hangMucSoNhaRiengLeID	String		x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Diện tích	dienTich	Real			Là diện tích của hạng mục nhà riêng lẻ. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn số đến một chữ số thập phân.

Trường thông tin					Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc có giá trị	
Diện tích	dienTichSan	Real		x	Là diện tích sàn của hạng mục nhà riêng lẻ. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn số đến một chữ số thập phân
Diện tích xây dựng	dienTichXayDung	Real			Là diện tích xây dựng của hạng mục nhà riêng lẻ. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn số đến một chữ số thập phân
Tên hạng mục nhà	tenHangMucNha	String	150		Là tên của hạng mục nhà riêng lẻ
Chiều cao	chieuCao	Real			Là chiều cao thông thủy công trình (nếu có)
Chiều cao tầng hầm	chieuCaoHam	Real			Là chiều cao thông thủy tầng hầm (nếu có)
Phiên bản	phienBanNhaRiengLe	Integer			Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của nhà riêng lẻ
c) Dữ liệu về khu nhà chung cư, nhà hỗn hợp					
Mã đối tượng	khuChungCuID	String		x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Phân loại dữ liệu	phanLoaiDuLieu	Integer	1		Là trường phân loại dữ liệu đất đai
					1: Nhóm 1 - Dữ liệu đảm bảo “đúng - đủ - sạch - sống” theo hướng dẫn CV 2571
					2: Nhóm 2 - Dữ liệu chưa “đúng - đủ - sạch - sống” theo hướng dẫn CV 2571
					6: Dữ liệu chưa sạch nhưng đã xác thực dữ liệu Chủ
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCTXa	String	5	x	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên khu	tenKhu	String	255	x	Là tên của khu nhà chung cư, nhà hỗn hợp
Diện tích khu	dienTichKhu	Real			Là diện tích khu nhà chung cư, nhà hỗn hợp. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn số đến một chữ số thập phân;
Địa chỉ	diaChiID	String		x	Là địa chỉ của chung cư
Phiên bản	phienBan	Integer			Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của khu nhà chung cư
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean			Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin
d) Dữ liệu về nhà chung cư					
Mã đối tượng	nhaChungCuID	String		x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Phân loại dữ liệu	phanLoaiDuLieu	Integer	1		Là trường phân loại dữ liệu đất đai
					1: Nhóm 1 - Dữ liệu đảm bảo “đúng - đủ - sạch - sống” theo hướng dẫn CV 2571
					2: Nhóm 2 - Dữ liệu chưa “đúng - đủ - sạch - sống” theo hướng dẫn CV 2571
					6: Dữ liệu chưa sạch nhưng đã xác thực dữ liệu Chủ

Trường thông tin					Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc có giá trị	
Thuộc khu nhà chung cư, nhà hỗn hợp	khuChungCuID	String			Khóa ngoại liên kết tới bảng khu nhà chung cư, nhà hỗn hợp
Tên nhà chung cư	tenChungCu	String	100	x	Là tên của tòa nhà chung cư, nhà hỗn hợp
Diện tích xây dựng	dienTichXayDung	Real			Là diện tích mặt bằng chiếm đất của nhà chung cư tại vị trí tiếp xúc với mặt đất theo mép ngoài tường bao của nhà chung cư. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn số đến một chữ số thập phân
Diện tích sàn	dienTichSan	Real			Là diện tích sàn nhà chung cư. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn số đến một chữ số thập phân
Tổng số căn hộ, văn phòng, cơ sở dịch vụ - thương mại	tongSoCan	Integer			Là tổng số căn hộ, văn phòng, cơ sở dịch vụ - thương mại trong nhà chung cư, nhà hỗn hợp
Số tầng	soTang	Integer			Thể hiện tổng số tầng của tòa nhà kể cả cả tầng hầm
Số tầng hầm	soTangHam	Integer			Thể hiện tổng số tầng hầm của nhà chung cư
Năm xây dựng	namXayDung	Integer	4		Là năm xây dựng của chung cư
Chiều cao	chieuCao	Real			Là chiều cao thông thủy của tòa nhà (nếu có)
Chiều cao tầng hầm	chieuCaoHam	Real			Là chiều cao thông thủy tầng hầm (nếu có)
Năm hoàn thành	namHoanThanh	Integer	4		Là năm hoàn thành của chung cư, hoàn công
Thời hạn sở hữu	thoiHanSoHuu	String	30		Là thông tin về thời hạn sở hữu của chủ đầu tư. Ví dụ: cho thuê đất 50 năm đến năm 2060
Cấp hạng nhà chung cư	capHang	String	50		Xác định và thể hiện theo quy định phân cấp nhà chung cư của pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng
Địa chỉ	diaChiID	String		x	Là địa chỉ của chung cư
Phiên bản	phienBan	Integer			Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của nhà chung cư
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean			Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin
đ) Dữ liệu về căn hộ					
Mã đối tượng	canHoID	String		x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Phân loại dữ liệu	phanLoaiDuLieu	Integer	1		Là trường phân loại dữ liệu đất đai
					1: Nhóm 1 - Dữ liệu đảm bảo “đúng - đủ - sạch - sống” theo hướng dẫn CV 2571
					2: Nhóm 2 - Dữ liệu chưa “đúng - đủ - sạch - sống” theo hướng dẫn CV 2571
					6: Dữ liệu chưa sạch nhưng đã xác thực dữ liệu Chủ
Thuộc nhà chung cư	nhaChungCuID	String		x	Là khóa ngoại xác định căn hộ thuộc chung cư nào
Số hiệu căn hộ	soHieuCanHo	String	20	x	Là số hiệu căn hộ, văn phòng, cơ sở dịch vụ - thương mại
Tầng số	tangSo	String			Là thông tin thể hiện căn hộ nằm trên tầng bao nhiêu

Trường thông tin					Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc có giá trị	
Chiều cao căn hộ	chieuCaoCanHo	Real			Là thông tin thể hiện chiều cao thông thủy của căn hộ (nếu có)
Độ cao căn hộ	doCaoCanHo	Real			Là thông tin thể hiện chiều cao tương đối của mặt sàn của tòa nhà đến mặt sàn của căn hộ (nếu có)
Diện tích sàn	dienTichSan	Real			Là diện tích sàn của căn hộ theo hợp đồng mua bán căn hộ. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn số đến một chữ số thập phân.
Diện tích sử dụng	dienTichSuDung	Real			Diện tích sử dụng
Phiên bản	phienBan	Interger			Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của căn hộ
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean			Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin
e) Dữ liệu về hạng mục sở hữu chung ngoài căn hộ					
Mã đối tượng	hangMucSoHuuChungID	String		x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Phân loại dữ liệu	phanLoaiDuLieu	Interger	1		Là trường phân loại dữ liệu đất đai
					1: Nhóm 1 - Dữ liệu đảm bảo “đúng - đủ - sạch - sống” theo hướng dẫn CV 2571
					2: Nhóm 2 - Dữ liệu chưa “đúng - đủ - sạch - sống” theo hướng dẫn CV 2571
					6: Dữ liệu chưa sạch nhưng đã xác thực dữ liệu Chủ
Thuộc nhà chung cư	nhaChungCuID	String		x	Là khóa ngoại xác định căn hộ thuộc nhà chung cư, nhà hỗn hợp nào
Tên hạng mục sở hữu chung ngoài căn hộ	tenHangMuc	String	50	x	Là tên hạng mục sở hữu chung ngoài căn hộ. Ví dụ: “hành lang chung”; “phòng họp công cộng”; “cầu thang máy”
Diện tích	dienTich	Real			Là diện tích của hạng mục sở hữu chung ngoài căn hộ. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn số đến một chữ số thập phân
Phiên bản	phienBanNhaChungCu	Interger		x	Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của nhà chung cư
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean			Có hiệu lực hay không
g) Dữ liệu về công trình xây dựng					
Mã đối tượng	congTrinhXayDungID	String		x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Phân loại dữ liệu	phanLoaiDuLieu	Interger	1		Là trường phân loại dữ liệu đất đai
					1: Nhóm 1 - Dữ liệu đảm bảo “đúng - đủ - sạch - sống” theo hướng dẫn CV 2571
					2: Nhóm 2 - Dữ liệu chưa “đúng - đủ - sạch - sống” theo hướng dẫn CV 2571
					6: Dữ liệu chưa sạch nhưng đã xác thực dữ liệu Chủ
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCTXa	String	5	x	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam

Trường thông tin					Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc có giá trị	
Tên công trình	tenCongTrinh	String	255	x	Là tên của công trình xây dựng
Diện tích xây dựng	dienTichXayDung	Real			Là tổng diện tích mặt bằng chiếm đất của công trình xây dựng tại vị trí tiếp xúc với mặt đất theo mép ngoài tường bao của công trình xây dựng. Đơn vị tính là m2, được làm tròn số đến một chữ số thập phân;
Diện tích sàn	dienTichSan	Real			Là diện tích sàn mà chủ đầu tư giữ lại sử dụng và diện tích các hạng mục mà chủ đầu tư có quyền sử dụng chung với các chủ căn hộ. Đơn vị tính là m2, được làm tròn số đến một chữ số thập phân.
Số tầng	soTang	Integer			Thể hiện tổng số tầng của công trình xây dựng
Số tầng hầm	soTangHam	Integer			Thể hiện tổng số tầng hầm của công trình xây dựng
Năm xây dựng	namXayDung	Integer	4		Là năm xây dựng
Chiều cao	chieuCao	Real			Là chiều cao thông thủy (nếu có)
Chiều cao tầng hầm	chieuCaoHam	Real			Là chiều cao thông thủy tầng hầm (nếu có)
Năm hoàn thành	namHoanThanh	Integer	4		Là năm hoàn thành, hoàn công
Thời hạn sở hữu	thoiHanSoHuu	String	30		Là thông tin về thời hạn sở hữu của chủ đầu tư. Ví dụ: cho thuê đất 50 năm đến năm 2060
Cấp hạng công trình xây dựng	capHang	String	50		Xác định và thể hiện theo quy định phân cấp nhà ở của pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng
Địa chỉ	diaChiID	String		x	Là địa chỉ của công trình xây dựng
Phiên bản	phienBan	Integer			Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của công trình xây dựng
Hiệu lực	hieucLuc	Boolean			Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin
h) Dữ liệu về công trình ngầm					
Mã đối tượng	congTrinhXayDungID	String		x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Phân loại dữ liệu	phanLoaiDuLieu	Integer	1		Là trường phân loại dữ liệu đất đai
					1: Nhóm 1 - Dữ liệu đảm bảo “đúng - đủ - sạch - sống” theo hướng dẫn CV 2571
					2: Nhóm 2 - Dữ liệu chưa “đúng - đủ - sạch - sống” theo hướng dẫn CV 2571
					6: Dữ liệu chưa sạch nhưng đã xác thực dữ liệu Chủ
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	String	5	x	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam
Tên công trình ngầm	tenCongTrinh	String	255	x	Là tên của công trình ngầm
Loại công trình	loaiCongTrinhNgam	String			Là loại công trình ngầm theo quy định pháp luật về công trình ngầm
Diện tích công trình	dienTichCongTrinh	Real			Là diện tích công trình ngầm (trừ công trình ngầm theo tuyến)
Độ sâu tối đa	doSauToiDa	Real			Là độ sâu tối đa được tính từ mặt đất
Vị trí đầu nối công trình	viTriDauNoi	String	100		Là vị trí đầu nối công trình

Trường thông tin					Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc có giá trị	
Năm xây dựng	namXayDung	Integer	4		Là năm xây dựng
Năm hoàn thành	namHoanThanh	Integer	4		Là năm hoàn thành
Thời hạn sở hữu	thoiHanSoHuu	String	50		Là thông tin về thời hạn sở hữu của chủ đầu tư. Ví dụ: cho thuê đất 50 năm đến năm 2060
Địa chỉ	diaChiID	String		x	Là địa chỉ của công trình ngầm
Phiên bản	phienBan	Integer			Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của công trình ngầm
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean			Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin
i) Dữ liệu về hạng mục của công trình xây dựng					
Mã đối tượng	hangMucCongTrinhID	String		x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Phân loại dữ liệu	phanLoaiDuLieu	Integer	1		Là trường phân loại dữ liệu đất đai
					1: Nhóm 1 - Dữ liệu đảm bảo “đúng - đủ - sạch - sống” theo hướng dẫn CV 2571
					2: Nhóm 2 - Dữ liệu chưa “đúng - đủ - sạch - sống” theo hướng dẫn CV 2571
					6: Dữ liệu chưa sạch nhưng đã xác thực dữ liệu Chủ
Thuộc công trình xây dựng	congTrinhXayDungID	String		x	Là khóa ngoại thể hiện hạng mục của công trình xây dựng nào.
Tên hạng mục	tenHangMuc	String	255	x	Là tên của hạng mục công trình
Công năng	congNang	String	30		Là công năng của hạng mục
Diện tích xây dựng	dienTichXayDung	Real			Là tổng diện tích mặt bằng chiếm đất của công trình xây dựng tại vị trí tiếp xúc với mặt đất theo mép ngoài tường bao của công trình xây dựng. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn số đến một chữ số thập phân
Diện tích sàn	dienTichSan	Real			Là diện tích sàn của hạng mục công trình. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn số đến một chữ số thập phân
Số tầng	soTang	Integer			Thể hiện tổng số tầng của công trình xây dựng
Số tầng hầm	soTangHam	Integer			Thể hiện tổng số tầng hầm của công trình xây dựng
Chiều cao	chieuCao	Real			Là chiều cao thông thủy (nếu có)
Chiều cao tầng hầm	chieuCaoHam	Real			Là chiều cao thông thủy tầng hầm (nếu có)
Kết cấu hạng mục công trình	ketCau	String	255		Thể hiện loại vật liệu xây dựng công trình. Ví dụ: tường gạch, bê tông, khung sàn cốt thép, mái tôn.
Năm xây dựng	namXayDung	Integer	4		Là năm xây dựng
Năm hoàn thành	namHoanThanh	Integer	4		Là năm hoàn thành, hoàn công
Thời hạn sở hữu	thoiHanSoHuu	String	30		Là thông tin về thời hạn sở hữu của chủ đầu tư. Ví dụ: cho thuê đất 50 năm đến năm 2060

Trường thông tin					Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc có giá trị	
Cấp hạng công trình xây dựng	capHang	String	50		Xác định và thể hiện theo quy định phân cấp công trình xây dựng của pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng
Địa chỉ chi tiết	diaChiChiTiet	String	255		Là địa chỉ chi tiết (nếu có) của hạng mục nằm trong công trình xây dựng
Phiên bản	phienBanCongTrinhXayDung	Interger			Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của công trình xây dựng
Phiên bản	phienBan	Interger			Phiên bản
k) Dữ liệu về rừng sản xuất là rừng trồng					
Mã đối tượng	rungTrongID	String		x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Phân loại dữ liệu	phanLoaiDuLieu	Interger	1		Là trường phân loại dữ liệu đất đai
					1: Nhóm 1 - Dữ liệu đảm bảo “đúng - đủ - sạch - sống” theo hướng dẫn CV 2571
					2: Nhóm 2 - Dữ liệu chưa “đúng - đủ - sạch - sống” theo hướng dẫn CV 2571
					6: Dữ liệu chưa sạch nhưng đã xác thực dữ liệu Chủ
Tên rừng	tenRung	String	255	x	Là tên của rừng sản xuất là rừng trồng
Loại cây rừng chủ yếu	loaiCayRung	String	255		Là trường thông tin thể hiện các loại cây rừng được trồng chủ yếu
Diện tích có rừng	dienTich	Real			Là diện tích có rừng
Địa chỉ	diaChiID	String		x	Là địa chỉ của rừng sản xuất
Phiên bản	phienBan	Interger			Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của rừng trồng
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean			Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin
l) Dữ liệu về cây lâu năm					
Mã đối tượng	cayLauNamID	String		x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Phân loại dữ liệu	phanLoaiDuLieu	Interger	1		Là trường phân loại dữ liệu đất đai
					1: Nhóm 1 - Dữ liệu đảm bảo “đúng - đủ - sạch - sống” theo hướng dẫn CV 2571
					2: Nhóm 2 - Dữ liệu chưa “đúng - đủ - sạch - sống” theo hướng dẫn CV 2571
					6: Dữ liệu chưa sạch nhưng đã xác thực dữ liệu Chủ
Tên cây lâu năm	tenCayLauNam	String	255	x	Là tên của cây lâu năm (nếu có)
Loại cây trồng	loaiCayTrong	String	255		Là trường thông tin thể hiện các loại cây lâu năm được trồng chủ yếu
Diện tích	dienTich	Real			Là diện tích trồng cây lâu năm
Địa chỉ	diaChiID	String		x	Là địa chỉ của khu vực trồng cây lâu năm
Phiên bản	phienBan	Interger			Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của cây lâu năm
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean			Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin

Trường thông tin					Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc có giá trị	
3.1.4. Nhóm dữ liệu về quyền quản lý, quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất					
a) Dữ liệu về quyền sử dụng đất (*)					- Không bắt buộc đối với trường hợp đăng ký đất đai nhưng không hoặc chưa được cấp Giấy chứng nhận; - Không bắt buộc đối với trường hợp đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý theo quy định tại Điều 217 của Luật Đất đai
Mã đối tượng	quyenSuDungID	String		x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Nhóm dữ liệu về người	maLoaiDoiTuong	String	5	x	mã loại đối tượng chủ sử dụng trong bảng danh mục DM_LoaiDoiTuong. Đối với trường hợp đăng ký quyền cho nhóm người đồng sử dụng thì sử dụng mã loại đối tượng tương ứng (NNDSĐ) và phân biệt GCN của từng thành viên qua thông tin người được cấp giấy ở thẻ GiayChungNhan, không đăng ký quyền cho từng thành viên thuộc nhóm người
	doiTuongID	String		x	ID đối tượng chủ theo mã loại đối tượng, vd: Cá nhân, Tổ Chức, CDDC...
Nhóm dữ liệu về thửa đất hoặc đối tượng địa lý hình tuyến	thuaDatID	String		x	ID mục đích sử dụng đất đăng ký
Mục đích sử dụng	mucDichSuDungID	String		x	ID thửa đất đăng ký
Nghĩa vụ tài chính	nghiaVuTaiChinhID	String			ID nghĩa vụ tài chính đăng ký
Hạn chế quyền sử dụng	hanCheQuyенID	String			ID hạn chế quyền đăng ký
Giấy chứng nhận	giayChungNhanID	String		x	ID giấy chứng nhận đăng ký
					Bắt buộc đối với dữ liệu nhóm 1 và có dữ liệu GCN, đơn đăng ký đất đai, phiếu đăng ký đất đai được cấp có thẩm quyền xác nhận.
Dữ liệu về tình trạng pháp lý quyền	tinhTrangPhapLyQuyенID	String		x	ID liên kết với thẻ TinhTrangPhapLyQuyен đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của tệp tin XML đồng bộ dữ liệu từ địa phương về Trung ương
b) Dữ liệu về quyền quản lý đất					Bắt buộc đối với trường hợp đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý theo quy định tại Điều 217 của Luật Đất đai
Mã đối tượng	quyenQuanLyID	String		x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Nhóm dữ liệu về người	maLoaiDoiTuong	String	5	x	mã loại đối tượng chủ sử dụng trong bảng danh mục DM_LoaiDoiTuong. Đối với trường hợp đăng ký quyền cho nhóm người đồng sử dụng thì sử dụng mã loại đối tượng tương ứng (NNDSĐ) và phân biệt GCN của từng thành viên qua thông tin người được cấp giấy ở thẻ GiayChungNhan, không đăng ký quyền cho từng thành viên thuộc nhóm người
	doiTuongID	String		x	ID đối tượng chủ theo mã loại đối tượng, vd: Cá nhân, Tổ Chức, CDDC...

Trường thông tin					Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc có giá trị	
Nhóm dữ liệu về thửa đất hoặc đối tượng địa lý hình tuyến	thuaDatID	String		x	ID mục đích sử dụng đất đăng ký
Mục đích sử dụng	mucDichSuDungID	String		x	ID thửa đất đăng ký
Dữ liệu về tình trạng pháp lý quyền	tinTrangPhapLyQuyenID	String		x	ID liên kết với thẻ TinhTrangPhapLyQuyen đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của tệp tin XML đồng bộ dữ liệu từ địa phương về Trung ương
c) Dữ liệu về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất					
Mã đối tượng	quyenSoHuuID	ID		x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Nhóm dữ liệu về người	maLoaiDoiTuong	String	5	x	mã loại đối tượng chủ sử dụng trong bảng danh mục DM_LoaiDoiTuong. Đối với trường hợp đăng ký quyền cho nhóm người đồng sử dụng thì sử dụng mã loại đối tượng tương ứng (NNDSĐ) và phân biệt GCN của từng thành viên qua thông tin người được cấp giấy ở thẻ GiayChungNhan, không đăng ký quyền cho từng thành viên thuộc nhóm người
	doiTuongID	String		x	ID đối tượng chủ theo mã loại đối tượng, vd: Cá nhân, Tổ Chức, CDDC...
Nhóm dữ liệu về tài sản gắn liền với đất	loaiTaiSan	Integer	2	x	Là mã loại tài sản trong bảng danh mục DM_LoaiTaiSan
	taiSanID	String		x	ID tài sản thuộc loại tài sản đăng ký
Nghĩa vụ tài chính	nghiaVuTaiChinhID	String			ID nghĩa vụ tài chính đăng ký
Hạn chế quyền sử dụng	hanCheQuyenID	String			ID hạn chế quyền đăng ký
Giấy chứng nhận	giayChungNhanID	String		x	ID giấy chứng nhận đăng ký
					Bắt buộc đối với dữ liệu nhóm 1 và có dữ liệu GCN, đơn đăng ký đất đai, phiếu đăng ký đất đai được cấp có thẩm quyền xác nhận.
Dữ liệu về tình trạng pháp lý quyền	tinTrangPhapLyQuyenID	String		x	ID liên kết với thẻ TinhTrangPhapLyQuyen đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của tệp tin XML đồng bộ dữ liệu từ địa phương về Trung ương
d) Dữ liệu về đăng ký chung/riêng đất (*)					
Lưu ý: Trường hợp có QSD/QSH thì ĐK chung/riêng đều phải có dữ liệu					
Mã đối tượng	dangKyChungRiengDatID	String		x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Nhóm dữ liệu về người	Chi tiết tại nhóm thông tin dữ liệu về người			x	Tham chiếu đến mục n. Dữ liệu nhóm đăng ký chung
Nhóm dữ liệu về thửa đất hoặc đối tượng địa lý hình tuyến	thuaDatID	String		x	ID thửa đất đăng ký
Mục đích sử dụng	mucDichSuDungID	String		x	ID mục đích sử dụng đất đăng ký
Sử dụng chung	suDungChung	Boolean		x	Là sử dụng chung
					0: riêng; 1: chung

Trường thông tin					Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc có giá trị	
Diện tích	dienTich	Real		x	Là diện tích sử dụng chung/riêng
Dữ liệu về tình trạng pháp lý quyền	tinhTrangPhapLyQuyenID	String		x	ID liên kết với thẻ TinhTrangPhapLyQuyen đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của tệp tin XML đồng bộ dữ liệu từ địa phương về Trung ương
d) Dữ liệu về đăng ký chung/riêng tài sản gắn liền với đất					
Mã đối tượng	dangKyChungRiengTaiSanID	String		x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Nhóm dữ liệu về người	Chi tiết tại nhóm thông tin dữ liệu về người			x	Tham chiếu đến mục n. Dữ liệu nhóm đăng ký chung
Nhóm dữ liệu về tài sản gắn liền với đất	loaiTaiSan	Integer	2	x	Là mã loại tài sản trong bảng danh mục DM_LoaiTaiSan
	taiSanID	String		x	ID tài sản thuộc loại tài sản đăng ký
Sử dụng chung	suDungChung	Boolean		x	Là sử dụng chung
					0: riêng; 1: chung
Diện tích	dienTich	Real		x	Là diện tích sử dụng chung/riêng
Dữ liệu về tình trạng pháp lý quyền	tinhTrangPhapLyQuyenID	String		x	ID liên kết với thẻ TinhTrangPhapLyQuyen đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của tệp tin XML đồng bộ dữ liệu từ địa phương về Trung ương
e) Dữ liệu về nghĩa vụ tài chính					
Mã đối tượng	nghiaVuTaiChinhID	String		x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Giấy chứng nhận	giayChungNhanID	String	36	x	Giấy chứng nhận
Loại nghĩa vụ tài chính	loaiNghiaVuTaiChinh	String	30	x	Là loại nghĩa vụ tài chính (tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế sử dụng đất, thuế chuyển quyền, lệ phí trước bạ)
Tổng số tiền	tongSoTien	Integer		x	Là tổng số tiền người sử dụng hoặc sở hữu phải thực hiện nghĩa vụ tài chính. Đơn vị tính là đồng Việt Nam
Tổng số tiền miễn giảm	tongSoTienMienGiam	Integer			Là tổng số tiền người sử dụng hoặc sở hữu được miễn giảm thực hiện nghĩa vụ tài chính. Đơn vị tính là đồng Việt Nam
Tổng số tiền nợ	tongSoTienNo	Integer			Là tổng số tiền người sử dụng hoặc sở hữu được miễn giảm thực hiện nghĩa vụ tài chính. Đơn vị tính là đồng Việt Nam
Ngày bắt đầu tính nghĩa vụ tài chính	ngayBatDau	Date			Là ngày bắt đầu tính nghĩa vụ tài chính
Đã hoàn thành nghĩa vụ tại chính	hoanThanh	Boolean			Là trạng thái thực hiện nghĩa vụ tài chính.
					Giá trị 1 là không phải nộp
					Giá trị 0 là phải nộp
Không phải nộp nghĩa vụ tài chính	khongPhaiNop	Boolean			Là trạng thái thực hiện nghĩa vụ tài chính.
					Giá trị 1 là không phải nộp
					Giá trị 0 là phải nộp
Miễn giảm nghĩa vụ tài chính	Chi tiết tại nhóm thông tin về miễn giảm nghĩa vụ tài chính				

Trường thông tin					Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc có giá trị	
Nợ nghĩa vụ tài chính	Chỉ tiết tại nhóm thông tin về nợ nghĩa vụ tài chính				
g) Dữ liệu về miễn giảm nghĩa vụ tài chính					
Mã đối tượng	mienGiamNghiaVuTaiChinhID	String		x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Nghĩa vụ tài chính	ngphiaVuTaiChinhID	String			Là khóa ngoại liên kết tới dữ liệu nghĩa vụ tài chính
Loại chế độ miễn giảm	loaiCheDoMienGiamID	Integer			danh mục Loại chế độ miễn giảm
Số tiền miễn giảm	soTienMienGiam	Integer		x	Là số tiền người sử dụng hoặc sở hữu được miễn giảm thực hiện nghĩa vụ tài chính theo từng loại hoặc từng mục đích sử dụng. Đơn vị tính là đồng Việt Nam
Số văn bản miễn giảm	soQuyetDinhMienGiam	String	15		Là số quyết định miễn giảm nghĩa vụ tài chính (nếu có). Chỉ áp dụng thuộc tính này đối với trường hợp tiền thuê đất và tiền sử dụng đất.
Ngày ban hành văn bản miễn giảm	ngayRaQuyetDinhMienGiam	Date			Là ngày ra quyết định miễn giảm nghĩa vụ tài chính (nếu có). Chỉ áp dụng thuộc tính này đối với trường hợp tiền thuê đất và tiền sử dụng đất.
Cơ quan ban hành văn bản miễn giảm	coQuanRaQuyetDinhMienGiam	String	255		Là cơ quan ban hành quyết định miễn giảm nghĩa vụ tài chính (nếu có). Chỉ áp dụng thuộc tính này đối với trường hợp tiền thuê đất và tiền sử dụng đất.
h) Dữ liệu về nợ nghĩa vụ tài chính					
Mã đối tượng	noNghiaVuTaiChinhID	String		x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Nghĩa vụ tài chính	ngphiaVuTaiChinhID	String			Là khóa ngoại liên kết tới dữ liệu nghĩa vụ tài chính
Loại chế độ nợ nghĩa vụ tài chính	loaiCheDoMienGiamID	Integer	30		Là loại chế độ nợ nghĩa vụ tài chính
Số tiền nợ	soTienNo	Integer		x	Là số tiền người sử dụng hoặc sở hữu được nợ nghĩa vụ tài chính theo từng loại hoặc từng mục đích sử dụng. Đơn vị tính là đồng Việt Nam
Số quyết định cho phép nợ nghĩa vụ tài chính	soQuyetDinhNo	String	15		Là số quyết định cho phép nợ nghĩa vụ tài chính (nếu có). Chỉ áp dụng thuộc tính này đối với trường hợp tiền thuê đất và tiền sử dụng đất
Ngày ra quyết định nợ nghĩa vụ tài chính	ngayRaQuyetDinhNo	Date			Là ngày ra quyết định cho phép nợ nghĩa vụ tài chính (nếu có). Chỉ áp dụng thuộc tính này đối với trường hợp tiền thuê đất và tiền sử dụng đất
Cơ quan ra quyết định nợ nghĩa vụ tài chính	coQuanRaQuyetDinhNo	String	150		Là cơ quan ban hành quyết định cho phép nợ nghĩa vụ tài chính (nếu có). Chỉ áp dụng thuộc tính này đối với trường hợp tiền thuê đất và tiền sử dụng đất
i) Dữ liệu về hạn chế quyền					
Mã đối tượng	hanCheID	String		x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Loại hạn chế	loaiHanChe	Integer		x	Là loại hạn chế:
					Giá trị 1: quyền sử dụng
					Giá trị 2: quyền sở hữu

Trường thông tin					Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc có giá trị	
Loại hạn chế	loaiHanChe	Integer		x	Giá trị 3: có cả quyền sử dụng thửa đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất Giá trị 4: quyền quản lý
Diện tích hạn chế	dienTich	Real		x	Là phần diện tích thửa đất hoặc diện tích tài sản gắn liền với đất bị hạn chế quyền sử dụng. Đơn vị đo là m ²
Nội dung hạn chế	noiDungHanChe	String	150		Là thông tin về hạn chế quyền. Ví dụ các trường hợp: thửa đất hoặc một phần thửa đất thuộc quy hoạch sử dụng đất mà phải thu hồi, được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và công bố nhưng chưa có quyết định thu hồi; thửa đất hoặc một phần thửa đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình; có quy định hạn chế diện tích xây dựng đối với thửa đất; không được phép giao dịch do có tranh chấp; không được giao dịch theo quyết định của Tòa án.
Hạn chế một phần	hanCheMotPhan	Boolean		x	Giá trị 1: là hạn chế một phần thửa đất hoặc tài sản gắn liền với đất Giá trị 0: là hạn chế toàn bộ thửa đất hoặc tài sản gắn liền với đất
Số văn bản pháp lý	soVanBan	String	15		Là số văn bản làm căn cứ cho hạn chế quyền
Ngày ban hành	ngayBanHanh	Date		x	Là ngày ban hành văn bản Định dạng: yyyy-MM-dd HH:mm:ss (Nếu thông tin chỉ có ngày, thì mặc định H:m:s = 0)
Cơ quan ban hành	coQuanBanHanh	String	150	x	Là cơ quan ban hành văn bản
Liên kết đến file quét	linkfile	String/Base64			Là đường dẫn đến file bản quét điện tử của văn bản làm căn cứ cho hạn chế Đối với đồng bộ hằng ngày là dạng base64
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean	1		
Dữ liệu về tình trạng pháp lý quyền	tinhTrangPhapLyQuyenID	String		x	ID liên kết với thẻ TinhTrangPhapLyQuyen đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của tệp tin XML đồng bộ dữ liệu từ địa phương về Trung ương
k) Dữ liệu về giấy chứng nhận (*)					- Không bắt buộc đối với trường hợp đăng ký đất đai nhưng không hoặc chưa được cấp Giấy chứng nhận; - Không bắt buộc đối với trường hợp đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý theo quy định tại Điều 217 của Luật Đất đai.
Mã đối tượng	giayChungNhanID	String		x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Loại giấy chứng nhận	loaiGiayChungNhan	Integer	1	x	Là mã loại giấy chứng nhận trong bảng danh mục DM_LoaiGiayChungNhan
Số vào sổ	soVaoSo	String	10		Là số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.
Số vào sổ cũ	soVaoSoCu	String			Là số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cũ
Ngày vào sổ cũ	ngayVaoSoCu	Date			Là ngày vào sổ cấp giấy chứng nhận cũ Định dạng: yyyy-MM-dd HH:mm:ss (Nếu thông tin chỉ có ngày, thì mặc định H:m:s = 0)

Trường thông tin					Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc có giá trị	
Số phát hành	soPhatHanh	String	10		Trường bắt buộc có điều kiện. Là số phát hành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Trường hợp GCN không có số phát hành như GCN cấp theo ND60; ND90 thì không bắt buộc.
Mã giấy chứng nhận	MaGiayChungNhan	String			Là Mã giấy chứng nhận theo quy định của Thông tư về Hồ sơ địa chính và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền đất của Bộ Tài nguyên và Môi trường
Mã vạch	maVach	String	15		Là dãy số dạng MX.MN.ST trong đó:
					+ MX là mã đơn vị hành chính cấp xã
					Trường hợp thẩm quyền cấp tỉnh thì ghi thêm mã đơn vị hành chính cấp tỉnh trước mã đơn vị hành chính cấp xã
					+ MN là mã của năm cấp Giấy chứng nhận (gồm hai chữ số sau cùng của năm ký cấp Giấy chứng nhận),
					+ ST là số thứ tự lưu trữ của hồ sơ thủ tục đăng ký đất đai tương ứng với Giấy chứng nhận được cấp lần đầu theo quy định về hồ sơ địa chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường
Ngày cấp	ngayCap	Date		x	Là ngày cấp giấy chứng nhận
					Định dạng: yyyy-MM-dd HH:mm:ss (Nếu thông tin chỉ có ngày, thì mặc định H:m:s = 0)
Tên cơ quan cấp GCN	coQuanCap	String			Là tên cơ quan cấp thực hiện cấp giấy chứng nhận
Người ký GCN	nguoiKy	String			Là họ và tên của lãnh đạo thực hiện ký tên giấy chứng nhận
Ghi chú trang 1	ghiChuTrang1	String			Là nội dung ghi chú trang 1 (đối với GCN 4 trang cũ)
Ghi chú trang 2	ghiChuTrang2	String			Là nội dung ghi chú trang 2 (đối với GCN 2 trang mới), hoặc là ghi chú trang 3 (đối với GCN 4 trang cũ)
Là người đại diện theo pháp luật	nguoiNhanGCNID	String			ID cá nhân là người đại diện theo pháp luật đến nhận Giấy chứng nhận
Mã loại đối tượng được cấp GCN	maLoaiDoiTuongDuocCapGCN	String		x	mã loại đối tượng chủ đứng tên trên giấy chứng nhận trong bảng danh mục DM_LoaiDoiTuong, chỉ có dữ liệu trong trường hợp cấp mỗi thành viên 1 giấy của nhóm người đồng sử dụng
					Bắt buộc đối với dữ liệu nhóm 1 trong trường hợp ĐSD và cấp mỗi người 1 giấy
Người được cấp GCN	nguoiDuocCapGCNID	String		x	ID đối tượng chủ đứng tên trên giấy chứng nhận theo mã loại đối tượng, vd: Cá nhân, Tổ Chức, CDDC... Chỉ có dữ liệu trong trường hợp cấp mỗi thành viên 1 giấy của nhóm người đồng sử dụng
					Bắt buộc đối với dữ liệu nhóm 1 trong trường hợp ĐSD và cấp mỗi người 1 giấy
Liên kết đến file quét	linkFile	String/Boolean			Là đường dẫn đến file bản quét điện tử của văn bản.

Trường thông tin					Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc có giá trị	
Liên kết đến file gốc	linkFile	String/Base64			Đối với đồng bộ hằng ngày là dạng base64
<i>Ghi chú: Trường thông tin Mã vạch được thu nhận đối với các giấy chứng nhận có in thông tin mã vạch.</i>					
l) Dữ liệu QR về Giấy chứng nhận					
Mã đối tượng	qrID	String		x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đối tượng giấy chứng nhận	giayChungNhanID	String		x	Là liên kết đến thông tin giấy chứng nhận
Mã QR	maQR	String	200	x	Là chuỗi ký tự gồm các thành phần trong ghi chú
Mã QR mã hóa	maHoaQR	String		x	Là chuỗi ký tự được mã hóa của Mã QR theo phương pháp mã hóa 1 chiều (hash)
Đường dẫn file QR	urlQR	String			Là đường dẫn địa chỉ lưu trữ nội dung phản hồi QR
Phiên bản đặc tả	phienBangDacTa	Integer			Là phiên bản đặc tả của QR
Mã hình QR	maHinhQR	Binary			Mã hình QR được khởi tạo từ trường dữ liệu đường dẫn file QR
Nội dung QR	noiDungQR	Binary			Là dữ liệu của nội dung QR
<i>Ghi chú: Mã QR Là chuỗi ký tự gồm các thành phần:</i>					
1. Thời gian khởi tạo QR: Là thời điểm tạo mã hình QR (định dạng dd-mm-yyyy-hh-mm-ss)					
2. Đơn vị khởi tạo QR (đơn vị in GCN): Là mã định danh điện tử đơn vị in Giấy chứng nhận					
3. Phần mềm in QR: Là tên phần mềm tạo mã QR và in Giấy chứng nhận					
4. Mã hồ sơ thủ tục hành chính: Là mã hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định					
5. Số seri: Là số phát hành phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.					
6. Mã Giấy chứng nhận: Là mã Giấy chứng nhận theo quy định của Thông tư về Hồ sơ địa chính và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền đất của Bộ Tài					
7. Thời gian chỉnh sửa file PDF: Là thời điểm chỉnh sửa file PDF chứa nội dung QR (định dạng dd-mm-yyyy-hh-mm-ss)					
8. Mã bảo mật: Là mã bảo mật theo định dạng đã được mã hóa riêng gồm 9 ký tự.					
m) Dữ liệu về nội dung thay đổi giấy chứng nhận					
Mã đối tượng	noiDungThayDoiID	String		x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Giấy chứng nhận	giayChungNhanID	String		x	Là khóa liên kết với thông tin giấy chứng nhận
Phiên bản giấy chứng nhận	phienBanGiayChungNhan	Integer			Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của giấy chứng nhận
Cơ quan xác nhận	coQuanXacNhan	String	150		Là tên cơ quan xác nhận nội dung thay đổi
Ngày xác nhận	ngayXacNhan	Date	10	x	Là ngày cơ quan xác nhận xác nhận thay đổi
					Định dạng: yyyy-MM-dd HH:mm:ss (Nếu thông tin chỉ có ngày, thì mặc định H:m:s = 0)
Nội dung thay đổi	noiDungThayDoi	String	300	x	Nội dung thay đổi của giấy chứng nhận
Trang in xác nhận	trangBoSungGiayChungNhan	Integer			Là thông tin trang in xác nhận
m) Dữ liệu về nhóm người đăng ký chung/riêng					
ID chủ đăng ký chung	doiTuongID	String		x	ID đối tượng chủ theo mã loại đối tượng, vd: Cá nhân, Tổ Chức, CDDC...

Trường thông tin					Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc có giá trị	
Mã loại đối tượng chủ đăng ký chung	maLoaiDoiTuong	String	5	x	mã loại đối tượng chủ sử dụng trong bảng danh mục DM_LoaiDoiTuong
3.1.5. Nhóm dữ liệu tình trạng pháp lý về quyền quản lý, quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất					
Mã đối tượng	tingHinhDangKyID	String		x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Ngày tiếp nhận	ngayTiepNhan	Date	10		Là ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ
					Định dạng: yyyy-MM-dd HH:mm:ss (Nếu thông tin chỉ có ngày, thì mặc định H:m:s = 0)
Thời điểm đăng ký vào sổ địa chính	thoiDiemDangKy	Date	10		Là thời điểm đăng ký vào sổ địa chính
					Định dạng: yyyy-MM-dd HH:mm:ss (Nếu thông tin chỉ có ngày, thì mặc định H:m:s = 0)
Số thứ tự hồ sơ	soThuTu	Integer			Là số thứ tự hồ sơ theo quy định của Hồ sơ địa chính
Người ủy quyền thực hiện đăng ký	nguoiDaiDienDangKyID	String			ID cá nhân là người được ủy quyền thực hiện đăng ký
	maLoaiDoiTuong	String	5		mã loại đối tượng chủ sử dụng trong bảng danh mục DM_LoaiDoiTuong
Có quyền sử dụng đất	coQuyenSuDung	Boolean		x	Giá trị 1: có quyền sử dụng đất
					Giá trị 0: không có quyền sử dụng đất
Có quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	coQuyenSoHuu	Boolean		x	Giá trị 1: có quyền sở hữu
					Giá trị 0: không có quyền sở hữu
Có quyền quản lý đất	coQuyenQuanLy	Boolean		x	Giá trị 1: có quyền quản lý
					Giá trị 0: không có quyền quản lý
3.1.6. Nhóm dữ liệu về biến động đất đai và tài sản gắn liền với đất					
a) Dữ liệu về giao dịch thay đổi					
Mã đối tượng	giaoDichID	String		x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Loại giao dịch biến động	loaiGiaoDichBienDong	Integer		x	Là các loại hình biến động được quy định trong Hồ sơ địa chính
Thời điểm đăng ký biến động	thoiDiemDangKyBienDong	Date			Là thời điểm đăng ký biến động
Nội dung biến động	noiDungBienDong	String		x	Là nội dung biến động
Quản lý thông tin lịch sử biến động, thay đổi của dữ liệu địa chính: Nội dung biến động đất đai thông qua thực hiện thủ tục hành chính hoặc những biến động, thay đổi khác được cơ quan					
- Lưu trữ đầy đủ nội dung, cấu trúc tương tự như dữ liệu hiện thời đang được quản lý trong cơ sở dữ liệu, bao gồm: dữ liệu không gian, dữ liệu thuộc tính, dữ liệu phi cấu trúc, dữ liệu đặc					
- Đảm bảo tính toàn vẹn và liên kết giữa các thành phần dữ liệu, liên kết theo lịch sử hình thành của dữ liệu, hồ sơ để phục vụ trích xuất, tra cứu thông tin đầy đủ và thuận tiện theo 2					
b) Dữ liệu về Giao dịch bảo đảm					
Mã đối tượng	giaoDichBaoDamID	String		x	ID giao dịch đảm bảo
Mã giao dịch	giaoDichId	String		x	ID giao dịch đăng ký giao dịch bảo đảm
Dữ liệu về tình trạng pháp lý quyền	TinhTrangPhapLyQuyenID	String			ID liên kết với thẻ TinhTrangPhapLyQuyen đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của tệp tin XML đồng bộ dữ liệu từ địa phương về Trung ương
Giao dịch đảm bảo cấp cha	giaoDichBaoDamChaID	String			ID giao dịch bảo đảm cha (trong trường hợp giao dịch thế chấp bổ sung)

Trường thông tin					Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc có giá trị	
Loại giao dịch đảm bảo	loaiGiaoDichBaoDam	String	1		Là mã loại giao dịch bảo đảm trong bảng danh mục DM_LoaiGiaoDichBaoDam
Thời điểm đăng ký	thoiDiemDangKy	Date	20	x	Thời điểm đăng ký giao dịch bảo đảm Định dạng: yyyy-MM-dd HH:mm:ss (Nếu thông tin chỉ có ngày, thì mặc định H:m:s = 0)
Ngày bắt đầu	ngayBatDau	Date	20		Ngày bắt đầu giao dịch bảo đảm Định dạng: yyyy-MM-dd HH:mm:ss (Nếu thông tin chỉ có ngày, thì mặc định H:m:s = 0)
Ngày kết thúc	ngayKetThuc	Date	20		Ngày kết thúc giao dịch bảo đảm Định dạng: yyyy-MM-dd HH:mm:ss (Nếu thông tin chỉ có ngày, thì mặc định H:m:s = 0)
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean	1		0: false; 1: true
c) Dữ liệu về Chủ tham giao dịch bảo đảm					
- Chủ nhận thế chấp					
Mã đối tượng	chuNhanTheChapID	String		x	ID chủ nhận thế chấp
Thông tin về chủ nhận thế chấp	maLoaiDoiTuong	String	5	x	mã loại đối tượng chủ sử dụng trong bảng danh mục DM_LoaiDoiTuong
	doiTuongID	String		x	ID đối tượng chủ theo mã loại đối tượng, vd: Cá nhân, Tổ Chức, CDDC...
- Chủ bảo lãnh					
Mã đối tượng	chuNhanTheChapID	String		x	ID chủ nhận thế chấp
Thông tin về chủ bảo lãnh	maLoaiDoiTuong	String	5	x	mã loại đối tượng chủ sử dụng trong bảng danh mục DM_LoaiDoiTuong
	doiTuongID	String		x	ID đối tượng chủ theo mã loại đối tượng, vd: Cá nhân, Tổ Chức, CDDC...
- Chủ xoá thế chấp					
Mã đối tượng	chuNhanTheChapID	String		x	ID chủ nhận thế chấp
Thông tin về chủ xoá thế chấp	maLoaiDoiTuong	String	5	x	mã loại đối tượng chủ sử dụng trong bảng danh mục DM_LoaiDoiTuong
	doiTuongID	String		x	ID đối tượng chủ theo mã loại đối tượng, vd: Cá nhân, Tổ Chức, CDDC...
d) Dữ liệu về chi tiết Giao dịch bảo đảm					
Mã đối tượng	chiTietGiaoDichBaoDamID	String		x	ID chi tiết giao dịch bảo đảm
giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm	giayChungNhanID	String		x	ID giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm
loại tài sản đã ký trong giao dịch thế chấp	laTheChapThuaDat	Boolean	1		Là loại tài sản đã ký trong giao dịch thế chấp
					1: thừa đất
					0: tài sản
mã loại tài sản	loaiTaiSan	Integer	2	x	Là mã loại tài sản trong bảng danh mục DM_LoaiTaiSan, đối với TH thế chấp tài sản gắn liền với đất, TH thế chấp thừa đất thì để trống
thừa đất hoặc tài sản gắn liền với đất đăng ký giao dịch bảo đảm	taiSanID	String		x	ID thừa đất hoặc tài sản gắn liền với đất đăng ký giao dịch bảo đảm

Trường thông tin					Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc có giá trị	
hạng mục tài sản đăng ký giao dịch bảo đảm	hangMucTaiSanID	String			ID hạng mục tài sản đăng ký giao dịch bảo đảm
Diện tích thế chấp	dienTichTheChap	Real			Diện tích thế chấp
hiệu lực của giao dịch thế chấp	trangThaiTheChap	Boolean	1		Xác định hiệu lực của giao dịch thế chấp 1: hồ sơ vẫn đang được thế chấp 0: hồ sơ đã xoá toàn bộ thế chấp
e) Dữ liệu về hợp đồng					
Mã đối tượng	hopDongID	String		x	ID hợp đồng
số hợp đồng mua bán	soHopDongMuaBan	String		x	Là số hợp đồng mua bán
Ngày lập hợp đồng	ngayLapHopDong	Date	20	x	Ngày lập hợp đồng Định dạng: yyyy-MM-dd HH:mm:ss (Nếu thông tin chỉ có ngày, thì mặc định H:m:s = 0)
Tổng giá trị hợp đồng	tongGiaTriHopDong	Double			Tổng giá trị hợp đồng
Số công chứng hợp đồng	soCongChung	String			Số công chứng hợp đồng
ngày chứng thực	ngayChungThuc	Date	20		ngày chứng thực Định dạng: yyyy-MM-dd HH:mm:ss (Nếu thông tin chỉ có ngày, thì mặc định H:m:s = 0)
cơ quan chứng thực	coQuanChungThuc	String			cơ quan chứng thực
quyền công chứng	quyenCongChung	String			quyền công chứng
ngày trước bạ	ngayTruocBa	Date	20		ngày trước bạ Định dạng: yyyy-MM-dd HH:mm:ss (Nếu thông tin chỉ có ngày, thì mặc định H:m:s = 0)
nội dung hợp đồng	noiDungHopDong	String			nội dung hợp đồng
Ngày bắt đầu hợp đồng	thoiHanBatDauHopDong	Date	20		Ngày bắt đầu hợp đồng Định dạng: yyyy-MM-dd HH:mm:ss (Nếu thông tin chỉ có ngày, thì mặc định H:m:s = 0)
Ngày kết thúc hợp đồng	thoiHanKetThucHopDong	Date	20		Ngày kết thúc hợp đồng Định dạng: yyyy-MM-dd HH:mm:ss (Nếu thông tin chỉ có ngày, thì mặc định H:m:s = 0)
f) Dữ liệu về Giao dịch Thuê đất					
Mã đối tượng	thueDatID	String		x	ID giao dịch đảm bảo
Dữ liệu về tình trạng pháp lý quyền	TinhTrangPhapLyQuyềnID	String		x	ID giao dịch đăng ký giao dịch bảo đảm
Dữ liệu về tình trạng pháp lý quyền của bên đi thuê	TinhTrangPhapLyQuyềnBenĐiThueID	String			ID liên kết với thể TinhTrangPhapLyQuyền đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của tệp tin XML đồng bộ dữ liệu từ địa phương về Trung ương
Thời hạn thuê	thoiHanThue	String			ID giao dịch bảo đảm cha (trong trường hợp giao dịch thế chấp bổ sung)

Trường thông tin					Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc có giá trị	
Ngày bắt đầu thuê	ngayBatDauThue	Date	20		Là mã loại giao dịch bảo đảm trong bảng danh mục DM_LoaiGiaoDichBaoDam
Ngày kết thúc thuê	ngayKetThucThue	Date	20	x	Thời điểm đăng ký giao dịch bảo đảm Định dạng: yyyy-MM-dd HH:mm:ss (Nếu thông tin chỉ có ngày, thì mặc định H:m:s = 0)
Số quyết định	soQuyetDinh	String			Ngày bắt đầu giao dịch bảo đảm Định dạng: yyyy-MM-dd HH:mm:ss (Nếu thông tin chỉ có ngày, thì mặc định H:m:s = 0)
Ngày quyết định	ngayQuyetDinh	Date	20		Ngày kết thúc giao dịch bảo đảm Định dạng: yyyy-MM-dd HH:mm:ss (Nếu thông tin chỉ có ngày, thì mặc định H:m:s = 0)
Nơi ra quyết định	noiQuyetDinh	String			0: false; 1: true
g) Dữ liệu về Chủ tham giao dịch cho thuê đất					
Mã đối tượng	nguoiThueDatID	String		x	ID người thuê đất
Thông tin về chủ tham gia giao dịch	maLoaiDoiTuong	String	5	x	mã loại đối tượng chủ sử dụng trong bảng danh mục DM_LoaiDoiTuong
	doiTuongID	String		x	ID đối tượng chủ theo mã loại đối tượng, vd: Cá nhân, Tổ Chức, CDDC...
h) Dữ liệu về thửa đất cho thuê					
Mã đối tượng	thuaDatChoThueID	String		x	ID thửa đất cho thuê
Thửa đất cho thuê	thuaDatID	String		x	ID thửa đất đăng ký cho thuê
Loại đất cho thuê	loaiDatID	String		x	ID loại đất thuộc thửa đất đăng ký cho thuê
Diện tích cho thuê	dienTichChoThue	Real			Diện tích đất cho thuê
3.1.7. Nhóm dữ liệu về hồ sơ địa chính					
a) Sổ địa chính					
Mã đối tượng	soDiaChinhID	string	36	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đối tượng thửa đất hoặc tài sản gắn liền với đất	itemID	string	36		(nếu xác định được) Là khóa liên kết với thửa đất hoặc là tài sản gắn liền với đất
Mã hồ sơ lưu trữ số	hoSoDangKySoID	string	36		Khóa ngoại liên kết tới dữ liệu hồ sơ lưu trữ điện tử (Phần hồ sơ giao dịch)
Keyword xác định loại sổ địa chính: thửa đất hay căn hộ chung cư	phanLoaiSDC	string	20		THUADAT, CHCC
mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	string	5	x	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam
Trạng thái ký sổ của sổ địa chính	daKySo	Boolean	1		Là trạng thái đã ký sổ hay chưa của sổ địa chính 0: false; 1: true
Là trạng thái của sổ địa chính	trangThai	Boolean	1		Tham chiếu thông tư 09/2024/TT-BTNMT 0: false; 1: true

Trường thông tin					Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc có giá trị	
Nội dung của sổ địa chính	noiDung	string			
Thời điểm tạo sổ địa chính	thoiDiemLap	Date	9		Thời điểm tạo sổ địa chính
Người lập sổ địa chính	nguoiLap	string	100		Người lập sổ địa chính
Thời điểm ký	thoiDiemKy	Date	10		Là thời điểm ký sổ địa chính
b) Dữ liệu file ký sổ					
Kiểu file của sổ địa chính	fileType	string	150		SDC-CHUAKY, SDC-KYNHAY, SDC (Trạng thái cuối cùng của sổ địa chính)
Là file bản quét của văn bản	linkFile	String/Base64			Đối với đồng bộ hằng ngày là file dạng Base64
Thời điểm ký sổ địa chính	thoiDiemKy	Date	9		Là thời điểm ký sổ địa chính
Người ký sổ địa chính	nguoiKy	string	100		Là thông tin họ tên của người ký sổ
Tên file sổ địa chính	filename	string	150		Là tên tệp tin lưu trữ điện tử (dạng pdf)
					Nếu file
c) Sổ địa chính quá trình thay đổi					
id quá trình thay đổi của thửa đất/CHCC của sổ địa chính	soDiaChinhQuaTrinhThayDoiID	string	36	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
id đến thông tin giao dịch biến động	giaoDichID	string	36		Liên kết đến Giao dịch biến động địa chính (Nếu có)
Id của hồ sơ đăng ký điện tử	hoSoDangKySoID	string	36		Khóa ngoại liên kết tới dữ liệu hồ sơ lưu trữ điện tử (Phần hồ sơ giao dịch)
Thời điểm đăng ký biến động	thoiDiemDangKyThayDoi	date	9		Thời điểm đăng ký kiểu dữ liệu datetime
Nội dung thay đổi	noiDungDangKyThayDoi	string	500		Là nội dung đăng ký thay đổi vào sổ địa chính
3.1.8. Nhóm dữ liệu về thông tin ngăn chặn quyền					
a) Dữ liệu về ngăn chặn quyền					
Mã đối tượng	vanBanNganChanID	String	36	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Danh sách Văn bản ngăn chặn bổ sung	khoaChaId	String	36		Nếu là Văn bản ngăn chặn bổ sung hoặc hủy bỏ ngăn chặn thì Id này không null
					Danh sách Văn bản ngăn chặn bổ sung, gỡ bỏ là self-reference đến bảng VanBanNganChan dựa trên khoaChaId
Mã phân loại	maPhanLoai	String	10		NGANCHAN hoặc BOSUNG hoặc HUYBO
Cấp độ ngăn chặn	capDoNganChan	Integer	4		Cấp độ, mức độ ngăn chặn: Cấp 1 Cảnh báo, Cấp 2 ngăn chặn.
mã loại văn bản ngăn chặn	loiVanBanNganChanId	String	36		Là mã loại văn bản ngăn chặn, liên kết qua bảng danh mục loại văn bản ngăn chặn
Số văn bản ngăn chặn	soVanBan	String	150	x	Số văn bản ngăn chặn
Trích yếu	trichYeu	String	255		Là nội dung trích yếu của giấy tờ tài liệu sổ lưu trữ văn bản ngăn chặn
Ghi chú văn bản ngăn chặn	ghiChu	String	255		Ghi chú văn bản ngăn chặn
ngày ban hành	ngayBanHanh	Date	3	x	Là ngày ban hành văn bản ngăn chặn
ngày hết hiệu lực	ngayHetHieuLuc	Date	3		Là ngày hết hiệu lực của văn bản ngăn chặn

Trường thông tin					Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc có giá trị	
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean			Mặc định: (1)
Cơ quan ban hành	coQuanBanHanh	String	50	x	Là tên cơ quan ban hành văn bản ngăn chặn
Ngày nhận vb	ngayNhanVanBan	Date	3		Là ngày nhận văn bản
Trạng thái	trangThai	Boolean			Tham chiếu thông tư 09/2024/TT-BTNMT
					Mặc định: (1)
b) Dữ liệu về Văn bản ngăn chặn gỡ bỏ					
Mã đối tượng	vanBanNganChanID	String	36	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Danh sách Văn bản ngăn chặn bổ sung	khoaChaId	String	36	x	Là Khóa cha ID của Văn bản ngăn chặn gỡ bỏ Danh sách Văn bản ngăn chặn bổ sung, gỡ bỏ là self-reference đến bảng VanBanNganChan dựa trên khoaChaId
Mã phân loại	maPhanLoai	String	10		NGANCHAN hoặc BOSUNG hoặc HUYBO
Cấp độ ngăn chặn	capDoNganChan	Integer	4		Cấp độ, mức độ ngăn chặn: Cấp 1 Cảnh báo, Cấp 2 ngăn chặn.
mã loại văn bản ngăn chặn	loaiVanBanNganChanId	String	36		Là mã loại văn bản ngăn chặn, liên kết qua bảng danh mục loại văn bản ngăn chặn
Số văn bản ngăn chặn	soVanBan	String	150	x	Số văn bản ngăn chặn
Trích yếu	trichYeu	String	255		Là nội dung trích yếu của giấy tờ tài liệu số lưu trữ văn bản ngăn chặn
Ghi chú	ghiChu	String	255		Ghi chú văn bản ngăn chặn
Ngày ban hành	ngayBanHanh	Date	3	x	Là ngày ban hành văn bản ngăn chặn
Ngày hết hiệu lực	ngayHetHieuLuc	Date	3		Là ngày hết hiệu lực của văn bản ngăn chặn
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean			Mặc định: (1)
Cơ quan ban hành	coQuanBanHanh	String	50	x	Là tên cơ quan ban hành văn bản ngăn chặn
Ngày nhận vb	ngayNhanVanBan	Date	3		Là ngày nhận văn bản
Trạng thái	trangThai	Boolean			Tham chiếu thông tư 09/2024/TT-BTNMT
					Mặc định: (1)
c) Dữ liệu về Văn bản ngăn chặn bổ sung					
Mã đối tượng	vanBanNganChanID	String	36	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Danh sách Văn bản ngăn chặn bổ sung	khoaChaId	String	36	x	Là Khóa cha ID của Văn bản ngăn chặn bổ sung Danh sách Văn bản ngăn chặn bổ sung, gỡ bỏ là self-reference đến bảng VanBanNganChan dựa trên khoaChaId
Mã phân loại	maPhanLoai	String	10		NGANCHAN hoặc BOSUNG hoặc HUYBO
Cấp độ ngăn chặn	capDoNganChan	Integer	4		Cấp độ, mức độ ngăn chặn: Cấp 1 Cảnh báo, Cấp 2 ngăn chặn.
mã loại văn bản ngăn chặn	loaiVanBanNganChanId	String	36		Là mã loại văn bản ngăn chặn, liên kết qua bảng danh mục loại văn bản ngăn chặn
Số văn bản ngăn chặn	soVanBan	String	150	x	Số văn bản ngăn chặn
Trích yếu	trichYeu	String	255		Là nội dung trích yếu của giấy tờ tài liệu số lưu trữ văn bản ngăn chặn

Trường thông tin					Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc có giá trị	
Ghi chú	ghiChu	String	255		Ghi chú văn bản ngăn chặn
Ngày ban hành	ngayBanHanh	Date	3	x	Là ngày ban hành văn bản ngăn chặn
Ngày hết hiệu lực	ngayHetHieuLuc	Date	3		Là ngày hết hiệu lực của văn bản ngăn chặn
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean			Mặc định: (1)
Cơ quan ban hành	coQuanBanHanh	String	50	x	Là tên cơ quan ban hành văn bản ngăn chặn
Ngày nhận vb	ngayNhanVanBan	Date	3		Là ngày nhận văn bản
Trạng thái	trangThai	Boolean			Tham chiếu thông tư 09/2024/TT-BTNMT
					Mặc định: (1)
d) Dữ liệu về 1 file đính kèm của Văn bản ngăn chặn					
Mã đối tượng	vanBanNganChanFileID	String	36	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Liên kết đến bảng ngăn chặn	vanBanNganChanID	String	36	x	Liên kết đến bảng ngăn chặn
Tên tệp tin lưu trữ	filename	String	150		Là tên tệp tin lưu trữ điện tử (dạng pdf)
Minetype của tệp tin	minetype	String	100		Là minetype của tệp tin lưu trữ điện tử
Filesize của tệp tin lưu trữ	filesize	Integer	4		Là Filesize của tệp tin lưu trữ điện tử (in bytes)
File bản quét	linkfile	Base64			Là file bản quét của văn bản dạng Base64
Thứ tự hiển thị	thuTuSapXep	Integer	4		Thứ tự hiển thị
Trạng thái	trangThai	Boolean			Tham chiếu thông tư 09/2024/TT-BTNMT
					Mặc định: (1)
e) Dữ liệu về thành phần ngăn chặn					
Mã đối tượng	thanhPhanNganChanID	String	36	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Liên kết đến bảng ngăn chặn	vanBanNganChanID	String	36	x	Là khóa liên kết đến văn bản ngăn chặn của thành phần ngăn chặn
Ngày bắt đầu	ngayBatDau	Date	3		Là thời gian bắt đầu có hiệu lực ngăn chặn
Ngày kết thúc	ngayKetThuc	Date	3		Là thời gian kết thúc hiệu lực ngăn chặn
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean			True: Còn hiệu lực, False hết hiệu lực
					Mặc định: (1)
Nội dung	noiDungNganChan	String	1000		Là nội dung ngăn chặn tại văn bản ngăn chặn
Mã phân loại	maPhanLoai	String	10		CHU hoặc THUA hoặc TAISAN hoặc GCN
Mã tỉnh	maDVHCTinh	String	2		Ngăn chặn thừa: mã tỉnh của thừa;
					Ngăn chặn tài sản (căn hộ): mã tỉnh của tài sản;
					Ngăn chặn chủ: mã tỉnh của địa chỉ thường trú;
					Ngăn chặn giấy: mã tỉnh của GCN.
Mã xã	maDVHCXa	String	5		Ngăn chặn thừa: mã huyện của thừa;
					Ngăn chặn tài sản (căn hộ): mã xã của tài sản;
					Ngăn chặn chủ: mã huyện của địa chỉ thường trú;
					Ngăn chặn giấy: mã huyện của GCN.

Trường thông tin					Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc có giá trị	
Tên tổ dân phố	tenToDanPho	String	30		Ngăn chặn thừa: Tên tổ dân phố của địa chỉ thửa đất; Ngăn chặn tài sản (căn hộ): Tên tổ dân phố của địa chỉ tài sản;
Tên đường	tenDuongPho	String	50		Ngăn chặn thừa: Tên đường phố của địa chỉ thửa đất; Ngăn chặn tài sản (căn hộ): Tên đường phố của địa chỉ tài sản;
Địa chỉ chi tiết	diaChiChiTiet	String	50		Ngăn chặn thừa: Địa chỉ chi tiết của thửa đất; Ngăn chặn tài sản (căn hộ): số hiệu căn hộ/số hiệu tòa nhà
Địa chỉ	diaChi	String	255		Toàn bộ chuỗi địa chỉ của thửa đất từ số nhà, đến phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố
Thửa đất	thuaDatID	String	36		(nếu xác định được) Liên kết đến bảng thửa đất
số hiệu bản đồ	soHieuToBanDo	Integer	4		Là số hiệu bản đồ
số hiệu bản đồ cũ	soHieuToBanDoCu	String	50		Là số hiệu bản đồ cũ (dưới dạng văn bản)
số thứ tự thửa đất	soThuTuThua	Integer	4		Là số thứ tự thửa đất
số thứ tự thửa đất cũ	soThuTuThuaCu	String	50		Là số thứ tự thửa đất cũ (dưới dạng văn bản)
Diện tích	dienTichPhapLy	Number	8		Là diện tích đã được cấp Giấy chứng nhận; trường hợp chưa cấp Giấy chứng nhận mà có giấy tờ pháp lý về nguồn gốc thì ghi diện tích theo giấy tờ đó; trường hợp không có các giấy tờ trên thì không nhập mục này. Đơn vị tính là m ²
ID tài sản	taiSanID	String	36		(nếu xác định được) Liên kết đến bảng tài sản
Loại tài sản	loaiTaiSanGanLienVoiDat	Integer	4		Được xác định trong bảng mã: “Loại tài sản gắn liền với đất”
Tên tài sản	tenTaiSan	String	255		Tên tài sản
ID GCN	giayChungNhanID	String	36		Là khóa liên kết đến thông tin giấy chứng nhận ngăn chặn (Nếu có)
Mã vạch GCN	maVach	String	15		Mã vạch GCN, Là dãy số dạng MX.MN.ST trong đó: + MX là mã đơn vị hành chính cấp xã Trường hợp thẩm quyền cấp tỉnh thì ghi thêm mã đơn vị hành chính cấp tỉnh trước mã đơn vị hành chính cấp xã
					+ MN là mã của năm cấp Giấy chứng nhận (gồm hai chữ số sau cùng của năm ký cấp Giấy chứng nhận),
					+ ST là số thứ tự lưu trữ của hồ sơ thủ tục đăng ký đất đai tương ứng với Giấy chứng nhận được cấp lần đầu theo quy định về hồ sơ địa chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường
Số phát hành GCN	soPhatHanh	String	10		Là số phát hành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
số vào sổ	soVaoSo	String	10		Là số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Trường thông tin					Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc có giá trị	
Số vào sổ cấp GCN cũ	soVaoSoCu	String	50		Số vào sổ cấp GCN cũ
Ngày vào sổ cấp GCN	ngayVaoSo	Date	3		Ngày vào sổ cấp GCN
Số hồ sơ gốc cấp GCN	soHoSoGoc	String	50		Số hồ sơ gốc cấp GCN
Số hồ sơ gốc cấp GCN cũ	soHoSoGocCu	String	50		Số hồ sơ gốc cấp GCN cũ
Số hồ sơ gốc cấp GCN cũ	doiTuongSuDungDatID	String	36		Là khóa liên kết đến thông tin nhóm dữ liệu về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất
thông tin nhóm dữ liệu về người sử dụng đất	tenDoiTuongSuDungDat	String	120		Tên cá nhân (50) hoặc tên tổ chức (120)
ngày, tháng, năm sinh (nếu có) của cá nhân sử dụng đất	ngaySinhDoiTuongSuDungDat	Date	3		Là ngày, tháng, năm sinh (nếu có) của cá nhân sử dụng đất
số giấy tờ tùy thân của cá nhân hoặc tổ chức	soGiayToDoiTuongSuDungDat	String	30		Là số giấy tờ tùy thân của cá nhân hoặc tổ chức
ngày cấp giấy tờ tùy thân của cá nhân hoặc tổ chức	ngayCapGiayToDoiTuongSuDungDat	Date	3		Là ngày cấp giấy tờ tùy thân của cá nhân hoặc tổ chức
nơi cấp giấy tờ tùy thân của cá nhân hoặc tổ chức	noiCapGiayToDoiTuongSuDungDat	String	100		Là nơi cấp giấy tờ tùy thân của cá nhân hoặc tổ chức
Mã định danh cá nhân, mã định danh tổ chức (nếu xác định được)	maDinhDanhDoiTuongSuDungDat	String	20		Mã định danh cá nhân, mã định danh tổ chức (nếu xác định được)
khóa ngoại xác định căn hộ thuộc chung cư nào	nhaChungCuID	String	36		Là khóa ngoại xác định căn hộ thuộc chung cư nào
số hiệu căn hộ, văn phòng, cơ sở dịch vụ - thương mại	soHieuCanHo	String	20		Là số hiệu căn hộ, văn phòng, cơ sở dịch vụ - thương mại
Trạng thái	trangThai	Boolean			Tham chiếu thông tư 09/2024/TT-BTNMT Mặc định: (1)